

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

I. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn khác áp dụng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

II. Xác định Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định điều chỉnh năm 2021

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Văn bản số 5837/UBND-KT ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 6098/UBND-KT ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương rà soát, điều chỉnh, xác định Đơn giá nhân công, Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 6632/UBND-KT ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Bình Định công bố Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định năm 2020.

2. Phương pháp xác định:

- Nội dung danh mục nhóm Đơn giá nhân công xây dựng điều chỉnh lấy theo Bảng 4.1 Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Khung Đơn giá nhân công xây dựng điều chỉnh bình quân được xác định theo Bảng 4.2 Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Hệ số cấp bậc Đơn giá nhân công xây dựng điều chỉnh được xác định theo Bảng 4.3 Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công xây dựng điều chỉnh được chuyển đổi từ Đơn giá nhân công xây dựng đã được UBND tỉnh công bố tại Văn bản số 6632/UBND-KT ngày 02/10/2020 và tuân thủ theo hướng dẫn tại mục I.3 Phụ lục IV Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Cụ thể:

- Đơn giá nhân công của nhóm I: giữ nguyên đơn giá nhân công nhóm 1 đã công bố.

- Đơn giá nhân công của nhóm II: xác định bằng bình quân số học của đơn giá nhân công các nhóm 2, 3, 4, 5 và 11 đã công bố.

- Đơn giá nhân công của nhóm III: xác định bằng đơn giá nhân công nhóm 6 đã công bố.

- Đơn giá nhân công của nhóm IV: xác định bằng bình quân số học đơn giá nhân công các nhóm 7, 8, 9 và 10 đã công bố.

- Đơn giá nhân công của các nhóm nhân công thuộc nhóm nhân công khác (gồm: vận hành tàu, thuyền, thợ lặn, kỹ sư, nghệ nhân): xác định bằng đơn giá nhân công tương ứng đã công bố.

III. Hướng dẫn áp dụng

1. Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định điều chỉnh năm 2021 dùng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng bao gồm: Sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu (trừ dự toán gói thầu mua sắm thiết bị và dự toán gói thầu tư vấn đầu tư xây dựng), giá xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng.

2. Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định điều chỉnh năm 2021 chia làm 2 khu vực: Khu vực 1 - Thành phố Quy Nhơn (vùng III); Khu vực 2 - các huyện, thị xã còn lại (vùng IV).

3. Đơn giá nhân công này được điều chỉnh khi mặt bằng giá nhân công xây dựng trên thị trường lao động có sự biến động và được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng công bố điều chỉnh.

IV. Quy định xử lý chuyển tiếp

1. Tổng mức đầu tư xây dựng đã thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng theo Đơn giá nhân công xây dựng được công bố theo quy định.

2. Dự toán xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại.

3. Các gói thầu chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư tự thực hiện việc cập nhật dự toán gói thầu theo Đơn giá nhân công xây dựng được công bố để xác định lại giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng chưa đóng thầu: Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc cập nhật dự toán gói thầu theo Đơn giá nhân công xây dựng được công bố để xác định lại giá gói thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Trường hợp cập nhật, xác định lại tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng quy định tại điểm 3, 4, 5 khoản này làm vượt tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng đã phê duyệt, thì việc thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh, dự toán xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6. Trường hợp đã đóng thầu: Thực hiện theo nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Trong quá trình sử dụng Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Định điều chỉnh năm 2021, nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để cùng nghiên cứu giải quyết.

PHẦN II

**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH
NĂM 2021**

DVT: Đồng/ngày.

STT	Nhóm	Cấp bậc bình quân	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực	
			Khu vực 1 - Thành phố Quy Nhơn (vùng III)	Khu vực 2 - Các huyện, thị xã còn lại (vùng IV)
I	Nhóm nhân công xây dựng			
1	Nhóm I	3,5/7	213.276	202.333
2	Nhóm II	3,5/7	235.177	224.812
3	Nhóm III	3,5/7	246.000	237.000
4	Nhóm IV			
<i>a</i>	<i>Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng</i>	3,5/7	242.419	233.049
<i>b</i>	<i>Nhóm lái xe các loại</i>	2/4	242.419	233.049
II	Nhóm nhân công khác			
1	Vận hành tàu thuyền			
<i>a</i>	<i>Thuyền trưởng</i>	1,5/2	443.000	422.000
<i>b</i>	<i>Thuyền phó</i>	1,5/2	409.026	392.713
<i>c</i>	<i>Thủy thủ, thợ máy, thợ điện</i>	2/4	355.066	335.470
<i>d</i>	<i>Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông</i>	1,5/2	356.398	338.132
	<i>Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển</i>	1,5/2	404.362	391.382
2	Thợ lặn	2/4	527.000	502.000
3	Kỹ sư (khảo sát, thí nghiệm)	4/8	246.000	237.000
4	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000